TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2024/DS-ST
Ngày: 17-5-2024
V/v tranh chấp: hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trương Ngươn.

2. Ông Nguyễn Đăng Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim E**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn v, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:* theo bản án số 222/2021/DSST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, chị Kim

E đã thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh, trả nợ cho ông Đỗ Văn D và nộp án phí, chi phí kê biên, thẩm định giá tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây để thi hành bản án nêu trên thay cho anh Nguyễn Thanh B tổng số tiền là 334.169.595 đồng (trong đó, tiền trả cho ông D cả vốn và lãi chậm thi hành án là 302.652.930 đồng (có 263.333.300 tiền vốn); tiền án phí là 13.166.665 đồng; tiền phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai, chi phí kê biên và thẩm định giá là 18.350.000 đồng).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh, rất nhiều lần chị Kim E yêu cầu anh B trả lại cho chị Kim E tổng số tiền nêu trên nhưng anh B chỉ hẹn lần này sang lần khác mà không thực hiện. Do đó, chị Kim E khởi kiện yêu cầu anh B có nghĩa vụ trả lại cho chị Kim E tổng số tiền mà chị Kim E thi hành án là 334.169.595 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất 0,83%/tháng (tạm tính là 2.773.607 đồng). Yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, anh cũng không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kim E.*

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Kim E là chị Đỗ Thị Thu N có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, chị N có gửi đến Tòa án đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kim E, chị Kim E rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất chậm thi hành án 24.319.630 đồng và tiền chi phí cưỡng chế thi hành án 18.350.000 đồng. Đồng thời, chị Kim E yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 263.333.300 đồng, tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử và đối với số tiền 13.166.665 đồng, tính từ ngày 19/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử.

Anh B vắng mặt không lý do.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: áp dụng Điều 335, 342, 340, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Kim E khởi kiện yêu cầu anh B trả số tiền mà chị đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho anh B nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "hợp đồng bảo lãnh" được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự; tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, hợp

đồng bảo lãnh này được thực hiện tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: đại diện ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Kim E là chị Đỗ Thị Thu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị N, anh B.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Kim E rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất chậm thi hành án 24.319.630 đồng và tiền chi phí cưỡng chế thi hành án 18.350.000 đồng. Việc rút yêu cầu khởi kiện này của chị là tự nguyện, phù hợp với qui định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền lãi suất chậm thi hành án là 24.319.630 đồng và tiền chi phí cưỡng chế thi hành án là 18.350.000 đồng.

[3.2] Chị Kim E yêu cầu anh B trả số tiền mà chị đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho anh B là 263.333.300 đồng đã trả cho ông Đỗ Văn D và 13.166.665 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, theo bản án số 222/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, chị Kim E có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn D số tiền 263.333.300 đồng và chịu 13.166.665 đồng án phí dân sự sơ thẩm để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của chị Kim E với anh B. Như vậy, việc chị Kim E phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh số tiền nêu trên cho anh B theo qui định tại Điều 342 Bộ luật dân sự đã được xác định trong bản án số 222/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật dân sự.

Để chứng minh cho việc chị đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh của mình đối với anh B, chị Kim E cung cấp bản bằng mực giấy than biên lai thu tiền thi hành án số 0018737 ngày 30/8/2023 có nội dung chị Kim E nộp trả ông D số tiền 287.652.930 đồng (gồm có 263.333.300 đồng tiền vốn và 24.319.630 đồng tiền lãi chậm thi hành án) và biên lai thu tiền số 0006818 ngày 30/8/2023 có nội dung tạm thu chi phí kê biên, thẩm định giá số tiền 18.150.000 đồng.

Mặt khác, kết quả thi hành án của chị Kim E được thể hiện qua giấy xác nhận số 14/GXN-CCTHADS ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, cụ thể là chị Kim E đã thi hành án cho ông D số tiền vốn 263.333.300 đồng theo biên lai thu tiền thi hành án số 0018737 ngày 30/8/2023 và đã thi hành án số tiền án phí 13.166.665 đồng biên lai thu tiền số 31353 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù, anh B đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

nhưng anh vẫn không gửi đến Tòa án văn bản phản đối đối với chứng cứ nêu trên là anh đã từ bỏ quyền chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định chị Kim E là người bảo lãnh cho anh B theo qui định tại Điều 335 Bộ luật dân sự và chị đã thực hiện xong trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh theo qui định tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh B không thanh toán lại cho chị Kim E số tiền mà chị Kim E đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho anh B là đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Kim E. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh B có trách nhiệm trả chị Kim E số tiền mà chị Kim E đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho anh B là 276.499.965 là phù hợp với qui định tại Điều 340 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: chị Kim E yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 263.333.300 đồng, tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử là 9 tháng 17 ngày, thành tiền là 20.892.563 đồng và đối với số tiền 13.166.665 đồng, tính từ ngày 19/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử là 8 tháng 28 ngày, thành tiền là 974.840 đồng. Tổng số tiền lãi là 21.867.403 đồng. Chị Kim E yêu cầu anh B trả số tiền lãi 21.867.403 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xủ chấp nhận.

[5] Về thời gian trả: chị Kim E yêu cầu anh B trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của chị Kim E là có cơ sở vì số tiền này anh B để kéo dài không trả cho chị Kim E đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Kim E nên cần buộc anh B trả tổng số tiền 298.367.368 đồng (276.499.965 đồng + tiền lãi 21.867.403 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của chị Kim E được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39,Điều 228, Điều 244, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 335, 342, 340, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim E.

Buộc anh Nguyễn Thanh B có trách nhiệm trả chị Lê Thị Kim E số tiền 298.367.368 (hai trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim E đối với tiền lãi suất chậm thi hành án 24.319.630 đồng và tiền chi phí cưỡng chế thi hành án 18.350.000 đồng

3. Án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 14.918.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Lê Thị Kim E 8.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012516 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

4. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Phan Thị Ngọc Ngân